



zhàn lì pǐn

战利品

noun · spoils of war, trophy

Example Sentences

shì bīng men bǎ dí rén de qí zhì dàng zuò zhàn lì pǐn
士兵们把敌人的旗帜当作战利品。

The soldiers took the enemy's flag as a trophy.

tā zài bǐ sài zhōng yíng dé le hěn duō zhàn lì pǐn
他在比赛中赢得了很多战利品。

He won many trophies in the competition.

Trace each character, then write the word on your own.

战	战	战	战	战	战	战	战	战	战	战
战										
利	利	利	利	利	利	利	利	利	利	利
品	品	品	品	品	品	品	品	品	品	品
品										